TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:**13**/2020/KDTM-ST
Ngày: 29/7/2020
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hiệp

2. Bà Lê Ngọc Như Chi

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Hiên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2019/TLST- KDTM ngày 04/12/2019, về việc: "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2020/QĐST-KDTM ngày 03 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn: Tổng công ty D.L.***

Địa chỉ: T.D.T, phường B, Quận Q, TP.HCM.

Đơn vị trực thuộc: Chi nhánh Tổng công ty D.L - Công ty điện lực B.P.

Địa chỉ: K.D.V, Phường D, Quận Y, TP.HCM.

Đại diện ủy quyền: Ông N.T.T, sinh năm: 1969, theo Giấy ủy quyền số 2801/UQ-PCBP ngày 17/12/2018(có đơn xin vắng mặt).

- ***Bị đơn:*** Ông N.H.T - Đại diện Hộ kinh doanh N.H.T;

Địa chỉ: L.C.H, Phường P, Quận Y, TP.HCM. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2019, bản tự khai ngày 15/6/2020, trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Tổng công ty D.L do ông N.T.T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông N.H.T - Đại diện Hộ kinh doanh N.H.T có ký hợp đồng mua bán điện số

13/000243 ngày 11/9/2013, mã khách hàng: PE06000218293 với Tổng công ty D.L mục đích sản xuất tại địa chỉ A.D.V, Phường P, Quận Y, TP.Hồ Chí Minh.

Trong quá trình sử dụng điện, ông N.H.T đã nợ 02 kỳ tiền điện (kỳ 7/2019 từ ngày 22/5/2019 đến ngày 21/6/2019 theo hóa đơn GTGT đợt 1 tháng 6/2019 ký hiệu: AA/19E số: 4769945 và kỳ 8/2019 từ ngày 22/6/2019 đến ngày 21/7/2019 theo hóa đơn GTGT đợt 1 tháng 7/2019 ký hiệu: AA/19E số: 5015008) và không thanh toán cho nguyên đơn với tổng số tiền là 8.307.157 (tám triệu ba trăm lẻ bảy ngàn một trăm năm mươi bảy) đồng.

Nguyên đơn đã nhiều lần đề nghị ông N.H.T thanh toán số tiền điện nói trên, nhưng đến nay ông N.H.T vẫn không thanh toán.

Nay yêu cầu ông N.H.T – chủ Hộ Kinh doanh N.H.T thanh toán cho Tổng công ty D.L tổng số tiền là 8.307.157 (tám triệu ba trăm lẻ bảy ngàn một trăm năm mươi bảy) đồng.

Tại phiên tòa:

Đại diện ủy quyền của Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không có lý do. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39 BLTTDS năm 2015, Điều 23, Điều 46 Luật Điện lực 2004:

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

- Giữa nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng mua bán điện số 13/000243 ngày 11/9/2013, mã khách hàng: PE06000218293, với mục đích kinh doanh, trong hợp đồng xác định bị đơn đăng ký hoạt động tại địa chỉ: *A.D.V, Phường P, Quận Y, TP.Hồ Chí Minh, căn cứ vào kết quả trả lời xác minh của Công an Phường P, Quận Y thì: " địa chỉ A.D.V, Phường P hiện tại là nền đất trống không có hộ nào kinh doanh tại đây. Không có nhân khẩu nào cư ngụ tại đây. Đương sự N.H.T có hộ khẩu thường trú cư xá D, Phường P, Quận Y, nhà bán 2013 đi đâu không rõ"*, hợp đồng mua bán điện với mục đích kinh doanh. Như vậy, đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Y là đúng quy định pháp luật.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 25/3/2020, 29/5/2020 cũng như tham gia phiên tòa xét xử vào các ngày 03/7/2020 và 29/7/2020 nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] **Xét hợp đồng mua bán điện số 13/000243 ngày 11/9/2013, mã khách hàng: PE06000218293:**

Căn cứ hợp đồng mua bán điện số 13/000243 ngày 11/9/2013, mã khách hàng: PE06000218293, được ký kết giữa Tổng công ty D.L với Ông N.H.T - Đại diện Hộ kinh doanh N.H.T để sử dụng cho mục đích sản xuất tại địa chỉ A.D.V, Phường P, Quận Y, TP. Hồ Chí Minh.

Căn cứ điểm 7.2.b, khoản 7.2, Điều 7 của Hợp đồng mua bán điện số 13/000243 ngày 11/9/2013 về nghĩa vụ của Bên mua điện(bên bị đơn): *"Thanh toán tiền điện đầy đủ, đúng thời hạn và các khoản thu phát sinh khác theo thỏa thuận trong Hợp đồng"*.

Căn cứ vào Hóa đơn giá trị gia tăng (tiền điện) số 4769945 đợt 1 tháng 6/2019 kỳ 7/2019 từ ngày 22/5/2019 đến ngày 21/6/2019 và Hóa đơn giá trị gia tăng (tiền điện) số 5015008 đợt 1 tháng 7/2019 kỳ 8/2019 từ ngày 22/6/2019 đến ngày 21/7/2019; Căn cứ vào Thông báo thời điểm ngừng cung cấp điện do quá hạn thanh toán ngày 05/7/2019 và 04/8/2019 của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 46 Luật Điện lực, nguyên đơn đã thực hiện việc thông báo cụ thể số tiền nợ của các kỳ thanh toán, bị đơn đã nhận được đầy đủ các thông báo trên nhưng không thanh toán. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại điểm 7.2.b, khoản 7.2, Điều 7 của Hợp đồng mua bán điện số 13/000243 ngày 11/9/2013, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là có cơ sở chấp nhận.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng trong đó gồm: thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã ghi rõ nội dung yêu cầu của nguyên đơn, nhưng phía bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả số tiền nêu trên cho nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền chứng minh và cung cấp chứng cứ của mình.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ là 8.307.157 (tám triệu ba trăm lẻ bảy ngàn một trăm năm mươi bảy) đồng, ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] **Về án phí**: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ Luật dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 46 Luật Điện lực;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1/ Buộc Ông N.H.T - Đại diện Hộ kinh doanh N.H.T trả cho Tổng công ty D.L số tiền còn nợ 02 kỳ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện số 13/000243 ngày 11/9/2013, mã khách hàng: PE06000218293 là: 8.307.157 (tám triệu ba trăm lẻ bảy ngàn một trăm năm mươi bảy) đồng.

Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông N.H.T - Đại diện Hộ kinh doanh N.H.T phải chịu án phí là: 3.000.000(ba triệu)đồng.

- Hoàn trả lại cho Tổng công ty D.L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 3.000.000(ba triệu)đồng, theo biên lai thu số AA/2018/0011781 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y.

3/ Thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

5/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận Y;
- Chi cục Thi hành án Quận Y;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thanh Sang